TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
TT NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

THÔNG TIN CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ - TIN HỌC LẦN 2 NĂM 2018

(Trích từ sổ gốc cấp chứng chỉ)

I. CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
1	Trần Thị Lan	Anh	13/08/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615377	1/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
2	Bùi Thị	Bắc	15/04/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615378	2/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
3	Đinh Danh	Chính	11/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615379	3/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
4	Hoàng Anh	Dũng	10/01/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615380	4/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
5	Nguyễn Văn	Dũng	23/04/63	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615381	5/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
6	Phạm Văn	Đạt	15/05/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615382	6/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
7	Nguyễn Minh	Đức	26/02/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615383	7/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
8	Nguyễn Thị	Én	20/10/66	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615384	8/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
9	Bùi Thị Thu	Giang	24/08/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615385	9/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
10	Đinh Văn	Giáp	22/06/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615386	10/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
11	Đinh Thị Mỹ	Hà	13/10/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615387	11/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
12	Nguyễn Xuân	Hà	04/07/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615388	12/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
13	Phạm Thu	Hà	28/03/96	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	2615389	13/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
14	Trần Văn	Hà	29/06/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615390	14/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
15	Lại Thị	Hạnh	18/04/82	Nam Định	Nữ	Kinh	2615391	15/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
16	Nguyễn Thị	Hảo	01/08/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615392	16/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
17	Dương Thị Thúy	Hằng	09/01/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615393	17/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
18	Nguyễn Thu	Hằng	17/07/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615394	18/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
19	Phan Thị Thanh	Hòa	16/04/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615395	19/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
20	Lê Bá	Hùng	02/10/66	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615396	20/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
21	Nguyễn Quang	Hùng	15/10/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615397	21/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
22	Phạm Thanh	Huyền	12/08/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615398	22/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
23	Trương Thị Ngọc	Huyền	22/11/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615399	23/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
24	Nguyễn Thị	Khuyến	03/01/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615400	24/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
25	Lò Thị Ngọc	Lan	02/07/93	Lai Châu	Nữ	Kinh	2615401	25/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
26	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	14/09/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615402	26/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
27	Nguyễn Cao	Linh	27/05/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615403	27/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
28	Đinh Thị	Luyến	01/09/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615404	28/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
29	Đinh Thị	Lự	04/05/76	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615405	29/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
30	Dương Thị	Mừng	10/01/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615406	30/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
31	Quách Văn	Nam	18/05/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615407	31/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
32	Nguyễn Thị	Nga	15/06/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615408	32/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
33	Mai Thị	Ngọc	05/08/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615409	33/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
34	Vũ Thủy	Nguyên	04/10/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615410	34/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
35	Lưu Thị	Ny	13/01/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615411	35/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
36	Phạm Văn	Phong	21/03/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615412	36/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
37	Bùi Viết	Quang	04/05/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615413	37/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
38	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/07/97	Hưng Yên	Nữ	Kinh	2615414	38/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
39	Đinh Thị	Thêu	15/05/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615415	39/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
40	Lại Thị Lệ	Thu	28/07/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615416	40/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
41	Phạm Thị Thanh	Tính	26/03/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615417	41/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
42	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/06/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615418	42/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
43	Trần Ngọc	Trọng	24/04/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615419	43/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
44	Đinh Văn	Trung	13/04/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615420	44/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
45	Lê Thành	Trung	28/05/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615421	45/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
46	Vũ Mạnh	Tùng	05/06/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615422	46/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
47	Nguyễn Quốc	Tuyển	14/09/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615423	47/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
48	Đỗ Thị	Tuyết	07/01/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615424	48/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
49	Vũ Quang	Vinh	05/09/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615425	49/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
50	Lê Xuân	Vy	18/08/67	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615426	50/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
51	Nguyễn Thị	Hà	09/10/73	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615375	51/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
52	Trần Thị	Nghiệp	01/12/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615376	52/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
53	Nguyễn Thị Như	Hà	14/05/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615427	53/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
54	Hà Thị	Vân	23/09/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615428	54/EB-K39-2018	68/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
55	Nguyễn Thị Thu	An	20/07/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615429	1/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
56	Phạm Hoàng	Anh	21/06/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615430	2/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
57	Bùi Thị	Biên	29/09/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615431	3/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
58	Bùi Thị	Bính	01/01/76	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615432	4/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
59	Bùi Thị	Cam	07/04/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615433	5/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
60	Đào Thị	Chiên	01/01/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615434	6/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
61	Phạm Văn	Chư	15/10/85	Nam Định	Nam	Kinh	2615435	7/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
62	Dương Thị Kim	Cúc	20/09/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615436	8/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
63	Đinh Thị	Duyên	21/01/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615437	9/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
64	Cao Thị	Điệp	02/06/87	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	2615438	10/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
65	Đỗ Thị Việt	Hà	03/11/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615439	11/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
66	Nguyễn Khoa Diệ	Hà	28/10/76	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615440	12/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
67	Đinh Hoàng	Hải	14/03/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615441	13/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
68	Lê Thị Mỹ	Hạnh	19/05/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615442	14/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
69	Nguyễn Thị	Hảo	18/10/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615443	15/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
70	Đinh Thúy	Hằng	26/10/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615444	16/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
71	Bùi Văn	Hậu	22/08/85	Quảng Ninh	Nam	Kinh	2615445	17/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
72	Phạm Thị	Hiền	20/10/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615446	18/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
73	Phạm Văn	Hiệp	30/01/84	Nam Định	Nam	Kinh	2615447	19/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
74	Bùi Thị Thúy	Hòa	15/07/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615448	20/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
75	Phạm Đình Lê	Hoàn	07/10/85	Nam Định	Nam	Kinh	2615449	21/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
76	Đinh Thị Minh	Huyền	09/11/66	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615450	22/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
77	Vũ Thị	Huyền	01/09/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615451	23/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
78	Đoàn Văn	Khánh	13/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615452	24/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
79	Đỗ Thị	Khánh	10/11/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615453	25/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
80	Phạm Văn	Khiêm	11/07/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615454	26/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
81	Lưu Thị	Len	27/08/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615455	27/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
82	Dương Minh	Lệ	04/11/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615456	28/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
83	Phạm Thị	Liên	01/10/73	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615457	29/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
84	Nguyễn Thị	Lúa	16/04/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615458	30/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
85	Bùi Thị	Lụa	23/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615459	31/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
86	Lã Thị	Lượng	15/03/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615460	32/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
87	Trần Thị	Lựu	10/03/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615461	33/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
88	Đinh Việt	Nga	25/12/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615462	34/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
89	Đặng Thị Minh	Nguyệt	13/04/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615463	35/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
90	Bùi Xuân	Phong	08/11/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615464	36/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
91	Bùi Phú	Phúc	03/10/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615465	37/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
92	Phạm Thị Hà	Phương	02/09/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615466	38/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
93	Nguyễn Thị	Quế	03/03/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615467	39/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
94	Đặng Thị Hồng	Quyên	28/04/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615468	40/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
95	Nguyễn Thu	Quyên	03/09/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615469	41/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
96	Bùi Quang	Tài	17/11/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615470	42/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
97	Trần Văn	Tạo	27/05/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615471	43/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
98	Vũ Thị Hải	Thanh	01/05/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615472	44/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
99	Dương Thị	Thảo	20/03/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615473	45/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
100	Nguyễn Thị Bích	Thảo	13/02/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615474	46/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
101	Mai Quốc	Thắng	07/10/94	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615475	47/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
102	Ngô Thị	Thoa	30/10/73	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	2615476	48/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
103	Nguyễn Thị	Thủy	26/09/78	Sơn La	Nữ	Kinh	2615477	49/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
104	Đinh Thị	Trang	15/01/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615478	50/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
105	Bùi Hồng	Trường	30/07/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615479	51/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
106	Đinh Văn	Tuấn	26/09/92	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615480	52/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
107	Lê Đức	Tuấn	01/01/85	Thanh Hóa	Nam	Kinh	2615481	53/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
108	Lê Thị	Uyên	16/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615482	54/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
109	Bùi Thị Tường	Vi	04/01/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615483	55/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
110	Kiều Thị	Vịnh	23/06/85	Hòa Bình	Nữ	Kinh	2615484	56/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
111	Nguyễn Thị Minh	Xuân	12/01/70	Hòa Bình	Nữ	Kinh	2615485	57/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
112	Quách Thế	Xương	28/10/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615486	58/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
113	Đinh Thị	Yến	13/09/68	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615487	59/EB-K40-2018	72/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
114	Lương Thị	Bình	04/11/73	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615488	1/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
115	Nguyễn Thị	Châm	27/07/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615489	2/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
116	Trần Thị Kim	Duyên	20/09/66	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615490	3/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
117	Trương Thị	Đông	10/03/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615491	4/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
118	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	18/08/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615492	5/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
119	Đinh Thị Thu	Hà	14/03/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615493	6/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
120	Trương Thị Thu	Hà	01/08/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615494	7/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
121	Đinh Việt	Hải	13/10/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615495	8/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
122	Phạm Thị Kim	Hạnh	01/06/68	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615496	9/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
123	Nguyễn Thu	Hằng	01/10/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615497	10/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
124	Lê Thị Kim	Hoa	01/09/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615498	11/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
125	Nguyễn Thị	Hồng	20/09/86	Sơn La	Nữ	Kinh	2615499	12/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
126	Phạm Thị	Hồng	07/09/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615500	13/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
127	Đỗ Thị Thanh	Hương	10/10/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615501	14/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
128	Hoàng Thị Thu	Hương	12/06/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615502	15/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
129	Trần Thanh	Hương	05/12/73	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615503	16/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
130	Nguyễn Thị Thanh	Hường	05/02/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615504	17/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
131	Mầu Thị	Khuyên	13/01/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615505	18/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
132	Đinh Tiến	Lạng	09/05/62	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615506	19/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
133	Phạm Thị	Liên	04/12/65	Nam Định	Nữ	Kinh	2615507	20/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
134	Ngô Thị	Nga	08/11/77	Sơn La	Nữ	Kinh	2615508	21/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
135	Nguyễn Thị	Nga	19/09/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615509	22/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
136	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	24/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615510	23/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
137	Đinh Thị	Nguyên	12/04/66	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615511	24/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
138	Vũ Ngọc	Nội	01/11/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615512	25/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
139	Trần Hữu	Phước	01/03/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615513	26/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
140	Lê Thị	Phượng	04/09/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615514	27/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
141	Phạm Thị	Quy	22/12/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615515	28/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
142	Lê Thị Mai	Soan	15/08/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615516	29/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
143	Phan Văn	Tài	26/08/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615517	30/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
144	Phan Như	Thùy	02/02/82	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	2615518	31/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
145	Nguyễn Thị	Thủy	29/02/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615519	32/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
146	Trương Thị Bích	Thủy	14/02/75	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615520	33/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
147	Trương Thị Thu	Thủy	01/06/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615521	34/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
148	Đinh Quốc	Tuấn	19/10/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615522	35/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
149	Nguyễn Thị	Tuyết	20/01/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615523	36/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
150	Nguyễn Thị	Tươi	26/05/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615524	37/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
151	Nguyễn Thị	Xuân	15/03/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615525	38/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
152	Nguyễn Thị	Xuyên	02/06/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615526	39/EB-K41-2018	75/QĐ-TTNNTH ngày 19/9/2018
153	Lê Xuân	Bách	16/09/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615527	1/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
154	Vũ Thị Đức	Hiền	12/12/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615528	2/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
155	Phạm Thị	Huế	18/03/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615529	3/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
156	Nguyễn Thị	Huệ	09/09/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615530	4/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
157	Vũ Văn	Khiển	03/06/61	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615531	5/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
158	Bùi Thị Hương	Lan	03/05/69	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	2615532	6/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
159	Nguyễn Thị	Nga	03/07/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615533	7/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
160	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22/10/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615534	8/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
161	Phạm Thị	Ngọc	24/04/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615535	9/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
162	Nguyễn Văn	Nhuận	24/11/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615536	10/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
163	Nguyễn Thị	Nhung	10/06/82	Thái Bình	Nữ	Kinh	2615537	11/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
164	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/05/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615538	12/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
165	Trần Thị	Phấn	14/09/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615539	13/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
166	Dương Đình	Phú	06/10/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615540	14/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
167	Lại Thị	Phương	20/04/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615541	15/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
168	Tạ Thị Thu	Phương	05/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615542	16/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
169	Phan Văn	Quang	18/08/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615543	17/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
170	Đỗ Ngọc	Thủy	18/10/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615544	18/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
171	Trương Thị Thu	Thủy	14/07/95	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615545	19/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
172	Vũ Duy	Tùng	04/11/65	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615546	20/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
173	Nguyễn Thị	Uyên	12/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615547	21/EB-K42-2018	77/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
174	Bùi Thị Lan	Anh	26/10/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615548	1/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
175	Bùi Thị Tuấn	Anh	04/11/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615549	2/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
176	Đinh Thị Mỹ	Anh	13/06/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615550	3/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
177	Nguyễn Thị Chân	Anh	30/01/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615551	4/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
178	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/08/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615552	5/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
179	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/06/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615553	6/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
180	Đỗ Văn	Công	15/08/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615554	7/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
181	Đinh Thị Kiều	Diễm	20/05/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615555	8/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
182	Quách Thị	Dung	05/06/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615556	9/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
183	Nguyễn Thị	Duyên	13/03/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615557	10/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
184	Đặng Thùy	Dương	18/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615558	11/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
185	Đinh Thị Thùy	Dương	27/03/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615559	12/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
186	Hà Minh	Đạt	21/04/97	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615560	13/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
187	Phạm Thị	Hà	23/12/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615561	14/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
188	Nguyễn Hồng	Hạnh	10/09/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615562	15/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
189	Vũ Thị Thu	Hiền	12/12/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615563	16/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
190	Lê Thị	Hòa	10/10/93	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	2615564	17/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
191	Hoàng Thị	Hoài	05/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615565	18/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
192	Trần Thị Minh	Hoài	12/08/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615566	19/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
193	Đoàn Xuân	Huỳnh	18/12/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615567	20/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
194	Trịnh Thị Lan	Hương	16/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615568	21/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
195	Tống Thị Ngọc	Lê	25/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615569	22/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
196	Tô Thị	Linh	17/06/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615570	23/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
197	Ngô Thị Ngọc	Loan	24/06/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615571	24/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
198	Phạm Thị	Mai	09/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615572	25/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
199	Phạm Thái	Nam	01/12/75	Nam Định	Nam	Kinh	2615573	26/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
200	Nguyễn Thúy	Nga	20/10/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615574	27/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
201	Vũ Thị	Ngát	01/09/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615575	28/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
202	Trịnh Thị Hồng	Nhung	31/10/95	Nam Định	Nữ	Kinh	2615576	29/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
203	Trần Thị Kim	Oanh	05/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615577	30/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
204	Đinh Thị Hoài	Phương	10/02/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615578	31/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
205	Vũ Thị	Phương	12/10/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615579	32/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
206	Vũ Thị	Thanh	04/02/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615580	33/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
207	Nguyễn Tiến	Thành	21/11/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615581	34/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
208	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/10/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615582	35/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
209	Đoàn Thị	Thu	25/11/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615583	36/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
210	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/10/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615584	37/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
211	Phạm Thị	Thương	22/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615585	38/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
212	Vũ Văn	Toàn	20/01/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	2615586	39/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
213	Mai Thị Thu	Trang	14/05/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615587	40/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
214	Phan Thị Thu	Trang	07/09/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615588	41/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
215	Nguyễn Thị	Tươi	12/05/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	2615589	42/EB-K43-2018	83/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
216	Phan Thị Vân	Anh	03/04/91	Nam Định	Nữ	Kinh	3036135	1/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
217	Tạ Xuân	Anh	23/02/73	Hòa Bình	Nam	Kinh	3036136	2/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
218	Vũ Đức	Cảnh	03/10/84	Thanh Hóa	Nam	Kinh	3036137	3/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
219	Lại Anh	Cao	11/05/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036138	4/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
220	Đặng Thị	Cúc	01/01/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036139	5/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
221	Nguyễn Thị	Dịu	09/12/82	Bắc Giang	Nữ	Kinh	3036140	6/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
222	Nguyễn Văn	Duẩn	09/07/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036141	7/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
223	Lê Thị	Dung	30/08/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036142	8/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
224	Nguyễn Phương	Dung	21/06/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036143	9/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
225	Trần Thị Mỹ	Dung	06/01/84	Hà Nam	Nữ	Kinh	3036144	10/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
226	Đinh Sỹ	Dũng	25/12/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036145	11/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
227	Nguyễn Thị	Duyên	13/08/85	Thái Bình	Nữ	Kinh	3036146	12/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
228	Đinh Xuân	Dương	20/10/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036147	13/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
229	Lê Thị	Đào	26/05/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036148	14/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
230	Phạm Thị Thu	Giang	09/03/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036149	15/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
231	Đỗ Thị Thu	Hà	12/09/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036150	16/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
232	Hoàng Thị Thu	Hà	01/05/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036151	17/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
233	Nguyễn Thị Hải	Hà	11/02/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036152	18/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
234	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	20/06/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036153	19/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
235	Vũ Hiền	Hảo	13/09/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036154	20/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
236	Phạm Thị	Hằng	16/03/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036155	21/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
237	Đinh Thị Thu	Hiên	22/10/96	Quảng Bình	Nữ	Kinh	3036156	22/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
238	Lê Thị	Hoài	23/12/76	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	3036157	23/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
239	Phạm Văn	Hoàng	15/01/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036158	24/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
240	Nguyễn Thị Bích	Hồng	23/09/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036159	25/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
241	Hoàng Mạnh	Hùng	23/03/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036160	26/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
242	Trần Thị	Huyền	07/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036161	27/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
243	Bùi Thị Hương	Lan	02/10/91	Nam Định	Nữ	Kinh	3036162	28/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
244	Đào Thị	Lan	29/09/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036163	29/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
245	Đinh Thị Hồng	Liên	03/03/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036164	30/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
246	Nguyễn Thị Kim	Liên	10/05/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036165	31/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
247	Phạm Thị Bích	Liên	13/08/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036166	32/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
248	Trần Ngọc	Linh	25/08/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036167	33/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
249	Trần Văn	Luận	15/03/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036168	34/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
250	Nguyễn Thị Minh	Lý	16/04/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036169	35/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
251	Vũ Kiều	My	26/10/83	Nam Định	Nữ	Kinh	3036170	36/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
252	Nguyễn Thành	Nam	14/01/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036171	37/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
253	Trần Thị Thúy	Nga	01/05/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036172	38/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
254	Bùi Hữu	Ngọc	19/10/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036173	39/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
255	Giang Thị Bích	Ngọc	01/06/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036174	40/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
256	Nguyễn Văn	Ngọc	23/04/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036175	41/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
257	Quách Thị Bảo	Ngọc	16/09/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036176	42/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
258	Trần Thị Linh	Nhâm	23/01/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036177	43/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
259	Trần Văn	Nhân	10/01/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036178	44/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
260	Trần Thị Hồng	Nhung	15/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036179	45/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
261	Trịnh Thị Hà	Oanh	12/06/82	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	3036180	46/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
262	Đỗ Thị Thu	Phương	03/09/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036181	47/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
263	Phạm Thị Mai	Phương	09/04/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036182	48/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
264	Đặng Ngọc	Quy	28/12/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036183	49/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
265	Nguyễn Đình	Tân	07/07/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036184	50/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
266	Nguyễn Đình	Thản	09/06/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036185	51/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
267	Nguyễn Tất	Thắng	06/08/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036186	52/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
268	Đỗ Quốc	Thịnh	03/05/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036187	53/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
269	Vũ Thị	Thơm	29/09/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036188	54/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
270	Lê Xuân	Toàn	07/12/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036189	55/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
271	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/07/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036190	56/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
272	Phạm Văn	Trung	05/03/66	Nam Định	Nam	Kinh	3036191	57/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
273	Đinh Văn	Trưởng	30/09/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036192	58/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
274	Lê Anh	Tuấn	10/04/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036193	59/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
275	Dương Thị	Út	18/11/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036194	60/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
276	Đỗ Thị Hải	Yến	21/02/84	Nam Định	Nữ	Kinh	3036195	61/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
277	Đỗ Thị Hoàng	Yến	03/09/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036196	62/EB-K44-2018	88/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
278	Trần Văn	Chuyên	28/04/85	Nam Định	Nam	Kinh	3036197	1/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
279	Vũ Thị Kim	Dung	17/12/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036198	2/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
280	Nguyễn Thị	Hà	10/10/80	Nam Định	Nữ	Kinh	3036199	3/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
281	Đào Thị Hằng	Hải	23/12/78	Nam Định	Nữ	Kinh	3036200	4/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
282	Dương Thị Út	Hạnh	28/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036201	5/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
283	Phùng Thị	Hằng	30/10/79	Nam Định	Nữ	Kinh	3036202	6/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
284	Tống Văn	Hân	07/08/84	Nam Định	Nam	Kinh	3036203	7/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
285	Bùi Thị	Hoa	25/02/85	Nam Định	Nữ	Kinh	3036204	8/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
286	Nguyễn Thị	Hoài	19/08/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036205	9/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
287	Đỗ Văn	Huy	25/10/83	Nam Định	Nam	Kinh	3036206	10/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
288	Phạm Văn	Huy	27/07/87	Nam Định	Nam	Kinh	3036207	11/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
289	Nguyễn Thành	Lê	01/02/82	Nghệ An	Nam	Kinh	3036208	12/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
290	Nguyễn Thị	Mai	04/08/88	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	3036209	13/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
291	Chu Văn	Nam	17/02/92	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036210	14/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
292	Vũ Hồng	Nhất	01/07/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036211	15/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
293	Trần Thị	Nhung	29/04/81	Nam Định	Nữ	Kinh	3036213	16/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
294	Dương Thị	Phấn	19/07/77	Nam Định	Nữ	Kinh	3036214	17/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
295	Nguyễn Bích	Phượng	14/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036215	18/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
296	Hà Đình	Quang	25/10/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036216	19/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
297	Lê Hoàng Thanh	Sơn	04/02/84	Hà Nam	Nam	Kinh	3036217	20/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
298	Nguyễn Hữu	Thạch	21/07/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036218	21/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
299	Hoàng Thị Phươn	Thảo	23/01/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036219	22/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
300	Đào Thị Kim	Thoa	21/10/78	Nam Định	Nữ	Kinh	3036220	23/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
301	Trịnh Thanh	Thủy	19/11/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036221	24/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
302	Trương Thị	Thúy	17/10/78	Nam Định	Nữ	Kinh	3036222	25/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
303	Phạm Ngọc	Tỉnh	12/11/95	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036223	26/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
304	Nguyễn Thị Huyề	Trang	02/10/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036224	27/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
305	Đặng Văn	Tú	13/05/82	Nam Định	Nam	Kinh	3036225	28/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
306	Nguyễn Minh	Tuân	25/07/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036226	29/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
307	Nguyễn Ngọc	Tuân	13/08/83	Hà Nam	Nam	Kinh	3036227	30/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
308	Bùi Ngọc	Tuyến	09/10/76	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036228	31/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
309	Đinh Công	Vận	21/08/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036229	32/EB-K45-2018	96/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
310	Ngô Trần	An	04/07/64	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036266	1/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
311	Đào Thành	Công	23/01/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036265	2/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
312	Nguyễn Văn	Cừ	02/01/81	Hà Nam	Nam	Kinh	3036264	3/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
313	Nguyễn Đức	Duẩn	17/04/81	Hà Nam	Nam	Kinh	3036263	4/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
314	Lê Tiến	Dũng	02/06/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036262	5/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
315	Nguyễn Văn	Dương	25/04/97	Nam Định	Nam	Kinh	3036261	6/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
316	Trần Thị Ngọc	Giang	04/09/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036260	7/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
317	Ninh Thị Thu	Hà	10/05/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036259	8/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
318	Nguyễn Ngọc	Hải	25/04/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036258	9/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
319	Nguyễn Văn	Huấn	25/01/80	Nam Định	Nam	Kinh	3036257	10/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
320	Nguyễn Thị	Huế	03/05/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036256	11/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
321	Hoàng Khắc	Huynh	05/01/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036255	12/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
322	Trần Cao	Hưởng	16/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036254	13/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
323	Nguyễn Công	Khuê	18/08/85	Hà Nam	Nam	Kinh	3036253	14/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
324	Nguyễn Thị	Lan	17/08/85	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	3036252	15/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
325	Trần Quang	Lâm	11/11/89	Hà Nam	Nữ	Kinh	3036251	16/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
326	Nguyễn Văn	Liên	24/02/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036250	17/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
327	Hoàng Văn	Long	08/05/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036249	18/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
328	Lâm Đình	Long	20/08/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036248	19/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
329	Dương Hữu	Luận	16/06/83	Hà Nam	Nam	Kinh	3036247	20/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
330	Nguyễn Thị Hải	Lý	05/11/82	Thái Bình	Nữ	Kinh	3036246	21/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
331	Trịnh Thị	Mai	22/03/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036245	22/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
332	Cù Thị Thanh	Nga	17/11/83	Nam Định	Nữ	Kinh	3036244	23/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
333	Trịnh Xuân	Quỳnh	21/10/86	Nam Định	Nam	Kinh	3036243	24/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
334	Phạm Ngọc	Tao	31/05/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	3036242	25/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
335	Trần Xuân	Thái	19/05/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036241	26/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
336	Lê Anh	Thắng	27/04/84	Hà Nam	Nam	Kinh	3036240	27/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
337	Trần Quyết	Thắng	03/05/89	Nghệ An	Nam	Kinh	3036239	28/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
338	Đinh Đắc	Thông	14/09/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036238	29/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
339	Đinh Hữu	Thức	11/02/82	Hà Nam	Nam	Kinh	3036237	30/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
340	Trần Minh	Tiến	26/01/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036236	31/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
341	Đỗ Thu	Trang	14/04/97	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036235	32/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
342	Nguyễn Thành	Trung	29/03/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036234	33/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
343	Vũ Anh	Tuấn	22/09/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036233	34/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
344	Hoàng Văn	Tuệ	12/06/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	3036232	35/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
345	Nguyễn Duy	Tuyển	10/11/76	Nam Định	Nam	Kinh	3036231	36/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
346	Trần Đức	Vệ	15/06/82	Hà Nam	Nam	Kinh	3036230	37/EB-K46-2018	101/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

II. CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
1	Trần Minh	An	05/10/93	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275668	1/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
2	Phạm Hoàng	Anh	21/06/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275669	2/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
3	Trần Tuấn	Anh	11/03/68	Thái Bình	Nam	Kinh	0275670	3/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
4	Trần Tuấn	Anh	04/01/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275671	4/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
5	Vũ Văn	Chiêu	23/07/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275672	5/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
6	Nguyễn Ngọc	Chỉnh	13/11/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275673	6/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
7	Nguyễn Tiến	Dũng	12/02/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275674	7/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
8	Đoàn Thị Thanh	Duyên	18/10/92	Nam Định	Nữ	Kinh	0275675	8/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
9	Đỗ Văn	Đang	01/01/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275676	9/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
10	Phạm Quốc	Đoàn	10/06/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275677	10/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
11	Lương Minh	Đức	28/11/81	Thái Bình	Nam	Kinh	0275678	11/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
12	Nguyễn Thị Quỳn	Giao	15/09/71	Nam Định	Nữ	Kinh	0275679	12/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
13	Nguyễn Văn	Hải	30/12/82	Thanh Hóa	Nam	Kinh	0275680	13/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
14	Nguyễn Thị	Hạnh	20/05/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275681	14/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
15	Đỗ Thị Thu	Hằng	25/08/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275682	15/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
16	Phan Thị	Hằng	19/08/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275683	16/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
17	Hoàng Thị	Hiền	14/11/95	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0275684	17/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
18	Lê Trung	Hiếu	26/03/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275685	18/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
19	Nguyễn Trung	Hiếu	05/10/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275686	19/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
20	Trương Anh	Hoàn	26/05/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275687	20/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
21	Vũ Trần	Hoàn	10/05/94	Nam Định	Nam	Kinh	0275688	21/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
22	Đinh Thị	Hồng	08/01/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275689	22/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
23	Đỗ Quang	Huỳnh	14/03/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275690	23/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
24	Nguyễn Thị	Hường	02/10/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275691	24/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
25	Dương Văn	Khá	25/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275692	25/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
26	Đặng Văn	Khuê	09/04/81	Hà Nam	Nam	Kinh	0275693	26/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
27	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	23/03/81	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0275694	27/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
28	Nguyễn Văn	Lâm	18/02/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275695	28/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
29	Trần Huy	Liệu	13/02/77	Nam Định	Nam	Kinh	0275696	29/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
30	Nguyễn Thế	Long	03/09/75	Bắc Ninh	Nam	Kinh	0275697	30/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
31	Hoàng Văn	Lợi	20/08/74	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275698	31/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
32	Trần Công	Lưu	01/02/79	Nghệ An	Nam	Kinh	0275699	32/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
33	Hứa Đức	Minh	18/03/68	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275700	33/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
34	Phạm Ngọc	Minh	01/05/93	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275701	34/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
35	Phạm Văn	Mỹ	03/04/76	Nam Định	Nam	Kinh	0275702	35/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
36	Cao Thành	Nghĩa	05/03/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275703	36/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
37	Phạm Hoài	Ngọc	10/11/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275704	37/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
38	Đỗ Ngọc	Phương	24/11/88	Bình Dương	Nữ	Kinh	0275705	38/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
39	Đoàn Hồng	Quân	13/10/73	Thái Bình	Nam	Kinh	0275706	39/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
40	Trần Văn	Quân	07/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275707	40/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
41	Lê Văn	Tài	12/12/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275708	41/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
42	Phạm Ngọc	Thạch	17/04/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275709	42/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
43	Phạm Huy	Thanh	06/07/71	Hà Bắc	Nam	Kinh	0275710	43/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
44	Phạm Khắc	Thành	07/06/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275711	44/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
45	Trần Minh	Thắng	26/02/81	Thái Bình	Nam	Kinh	0275712	45/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
46	Nguyễn Xuân	Thịnh	21/02/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275713	46/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
47	Nguyễn Ngọc	Thụy	18/06/80	Hà Nội	Nam	Kinh	0275714	47/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
48	Lưu Đình	Thường	06/04/81	Nghệ An	Nam	Kinh	0275715	48/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
49	Bùi Văn	Tĩnh	31/05/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275716	49/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
50	Nguyễn Doãn	Toàn	10/03/82	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	0275717	50/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
51	Nguyễn Khánh	Toàn	28/04/72	Hà Nội	Nam	Kinh	0275718	51/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
52	Dương Văn	Tuấn	03/03/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275719	52/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
53	Đoàn Thanh	Tùng	21/09/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275720	53/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
54	Vũ Thị Hồng	Vân	22/06/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275721	54/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
55	Đỗ Hữu	Việt	30/12/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275722	55/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
56	Nguyễn Quang	Việt	09/09/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275723	56/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
57	Nguyễn Văn	Cao	30/01/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275724	57/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
58	Đinh Danh	Chính	11/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275725	58/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
59	Hoàng Thị	Dung	12/10/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275726	59/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
60	Hoàng Anh	Dũng	10/01/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275727	60/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
61	Nguyễn Văn	Dũng	23/04/63	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275728	61/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
62	Phạm Văn	Đạt	15/05/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275729	62/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
63	Nguyễn Thị	Én	20/10/66	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275730	63/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
64	Bùi Thị Thu	Giang	24/08/69	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275731	64/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
65	Phạm Thu	Hà	28/03/96	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0275732	65/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
66	Nguyễn Hoàng	Hải	14/12/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275733	66/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
67	Lại Thị	Hạnh	18/04/82	Nam Định	Nữ	Kinh	0275734	67/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
68	Nguyễn Minh	Hảo	20/06/66	Nam Định	Nữ	Kinh	0275735	68/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
69	Nguyễn Thị	Hảo	01/08/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275736	69/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
70	An Quang	Hạo	29/11/67	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275737	70/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
71	Nguyễn Thu	Hằng	17/07/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275738	71/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
72	Đinh Phương	Hồng	30/12/72	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275739	72/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
73	Nguyễn Quang	Hùng	15/10/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275740	73/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
74	Phạm Thanh	Huyền	12/08/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275741	74/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
75	Nguyễn Lan	Hương	30/05/90	Nam Định	Nữ	Kinh	0275742	75/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
76	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	14/09/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275743	76/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
77	Vũ Thị Mai	Lan	12/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275744	77/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
78	Lê Trọng	Lưu	08/04/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275745	78/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
79	Dương Thị	Mừng	10/01/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275746	79/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
80	Quách Văn	Nam	18/05/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275747	80/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
81	Mai Thị	Ngọc	05/08/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275748	81/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
82	Vũ Thủy	Nguyên	04/10/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275749	82/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
83	Lưu Thị	Ny	13/01/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275750	83/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
84	Phạm Văn	Phong	21/03/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275751	84/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
85	Lê Thị	Phương	26/05/86	Hà Nam	Nữ	Kinh	0275752	85/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
86	Bùi Viết	Quang	04/05/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275753	86/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
87	Nguyễn Thị	Quyên	25/08/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275754	87/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
88	Nguyễn Xuân	Thành	03/05/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275755	88/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
89	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/07/97	Hưng Yên	Nữ	Kinh	0275756	89/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
90	Lại Thị Lệ	Thu	28/07/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275757	90/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
91	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29/03/74	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	0275758	91/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
92	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/06/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275759	92/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
93	Trần Ngọc	Trọng	24/01/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275760	93/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
94	Đinh Văn	Trung	13/04/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275761	94/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
95	Vũ Mạnh	Tùng	05/06/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275762	95/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
96	Nguyễn Quốc	Tuyển	14/09/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275763	96/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
97	Đỗ Thị	Tuyết	07/01/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275764	97/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
98	Trịnh Công	Viên	04/09/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275765	98/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
99	Vũ Quang	Vinh	05/09/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275766	99/CNTTCB17	67/QĐ-TTNNTH ngày 20/6/2018
100	Phạm Vương Đức	Anh	03/06/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275767	1/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
101	Vũ Thế	Anh	10/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275768	2/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
102	Phan Mỹ	Bình	25/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275769	3/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
103	Trần Văn	Bội	25/06/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275770	4/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
104	Vũ Mạnh	Chinh	25/11/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275771	5/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
105	Nguyễn Thùy	Dung	24/09/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275772	6/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
106	Bùi Xuân	Duy	17/08/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275773	7/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
107	Nguyễn Tùng	Dương	11/08/96	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275774	8/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
108	Trần Quốc	Đồng	05/02/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275775	9/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
109	Nguyễn	Hải	18/11/87	Nam Định	Nam	Kinh	0275776	10/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
110	Nguyễn Thị	Hải	24/06/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275777	11/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
111	Trần Hằng	Hải	26/11/66	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275778	12/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
112	Hoàng Trọng	Hán	25/05/77	Nam Định	Nam	Kinh	0275779	13/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
113	Dương Quốc	Hạnh	31/07/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275780	14/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
114	Lê Thị	Hằng	10/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275781	15/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
115	Ngô Thị Lệ	Hằng	17/12/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275782	16/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
116	Đinh Thị Bích	Hậu	15/01/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275783	17/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
117	Lê Thị Thúy	Hiền	28/10/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275784	18/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
118	Phạm Việt	Hoàn	09/08/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275785	19/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
119	Dương Thị	Huệ	25/12/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275786	20/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
120	Lê Thị Kim	Huệ	24/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275787	21/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
121	Phạm Việt	Hùng	20/09/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275788	22/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
122	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	12/05/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275789	23/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
123	Trần Đăng	Khoa	24/06/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275790	24/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
124	Nguyễn Trung	Kiên	28/10/74	Nam Định	Nam	Kinh	0275791	25/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
125	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	10/06/83	Nam Định	Nữ	Kinh	0275792	26/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
126	Lương Thị Kim	Liên	20/12/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275793	27/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
127	Bùi Thành	Nam	02/11/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275794	28/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
128	Nguyễn Văn	Nam	12/07/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275795	29/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
129	Phùng Văn	Nam	09/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275796	30/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
130	Tống Thúy	Nga	31/08/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275797	31/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
131	Lê Thị Minh	Nguyệt	22/04/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275798	32/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
132	Vũ Nam	Phong	15/10/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275799	33/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
133	Lê Thanh	Phương	02/10/80	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275800	34/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
134	Trần Thị	Phương	05/10/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275801	35/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
135	Đinh Thị Lệ	Quyên	18/05/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275802	36/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
136	Đinh Quang	Song	03/12/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275803	37/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
137	Phạm Minh	Sơn	08/05/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275804	38/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
138	Đinh Ngọc	Tân	12/06/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275805	39/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
139	Nguyễn Nam	Thái	08/12/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275806	40/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
140	Bùi Ngọc	Thành	27/10/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275807	41/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
141	Lê Thị Minh	Thu	16/05/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275808	42/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
142	Ngô Thành	Trung	26/04/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275809	43/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
143	Đinh Ngọc	Tú	23/03/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275810	44/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
144	Vũ Thị Hồng	Vân	21/05/75	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275811	45/CNTTCB18	70/QĐ-TTNNTH ngày 29/6/2018
145	Đỗ Quang	Đạt	28/07/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275812	1/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
146	Hà Quốc	Đạt	05/11/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275813	2/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
147	Cao Thị	Điệp	02/06/87	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0275814	3/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
148	Vũ Thị Trà	Giang	14/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275815	4/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
149	Đinh Thúy	Hằng	26/10/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275816	5/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
150	Đinh Văn	Hoàng	17/10/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275817	6/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
151	Nguyễn Thị Minh	Hồng	27/06/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275818	7/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
152	Ninh Viết	Hợp	10/12/89	Nam Định	Nam	Kinh	0275819	8/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
153	Phạm Quốc	Hùng	07/05/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275820	9/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
154	Vũ Mạnh	Hùng	18/02/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275821	10/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
155	Đoàn Văn	Khánh	13/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275822	11/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
156	Nguyễn Thị	Lúa	16/04/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275823	12/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
157	Mai Thị Lan	Phương	29/08/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275824	13/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
158	Phạm Thị Hà	Phương	02/09/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275825	14/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
159	Phùng Thị Hồng	Phương	11/12/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275826	15/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
160	Trần Văn	Tạo	27/05/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275827	16/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
161	Dương Thị	Thảo	20/03/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275828	17/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
162	Đào Thu	Trang	19/07/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275829	18/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
163	Vũ Thị Thu	Trang	13/09/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275830	19/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
164	Đinh Văn	Tuấn	26/09/92	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275831	20/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018
165	Lê Thị	Uyên	16/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275832	21/CNTTCB19	73/QĐ-TTNNTH ngày 15/8/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
166	Vũ Thị	An	02/09/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275833	1/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
167	Ngô Tuấn	Anh	14/08/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275834	2/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
168	Lê Xuân	Bách	16/09/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275835	3/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
169	Phạm Văn	Chư	15/10/85	Nam Định	Nam	Kinh	0275836	4/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
170	Vũ Văn	Công	20/06/64	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275837	5/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
171	Phạm Thị Thùy	Dương	24/10/82	Nam Định	Nữ	Kinh	0275838	6/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
172	Đinh Ngọc	Hà	06/06/95	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275839	7/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
173	Phạm Thị	Hà	12/11/92	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275840	8/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
174	Phạm Thị Minh	Hải	25/10/76	Nam Định	Nam	Kinh	0275841	9/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
175	Phạm Văn	Hoàn	08/05/92	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275842	10/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
176	Phạm Văn	Hoàng	15/01/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275843	11/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
177	Nguyễn Thị	Huệ	09/09/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275844	12/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
178	Đỗ Thị Mai	Hương	18/02/83	Nghệ An	Nữ	Kinh	0275845	13/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
179	Trần Quốc	Khánh	21/06/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275846	14/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
180	Bùi Hương	Lan	06/09/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275847	15/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
181	Bùi Thị Bích	Ngọc	04/09/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275848	16/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
182	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22/10/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275849	17/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
183	Nguyễn Văn	Nhuận	24/11/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275850	18/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
184	Trịnh Thị Hồng	Nhung	31/10/95	Nam Định	Nam	Kinh	0275851	19/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
185	Dương Đình	Phú	06/10/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275852	20/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
186	Lại Thị	Phương	20/04/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275853	21/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
187	Phan Thị	Phương	24/10/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275854	22/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
188	Tạ Thị Thu	Phương	05/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275855	23/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
189	Hoàng Thị	Thành	22/12/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275856	24/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
190	Lã Út	Thảo	22/11/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275857	25/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
191	Nguyễn Thị Phươ	Thảo	25/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275858	26/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
192	Trần Thị	Thìn	20/11/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0275859	27/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
193	Đỗ Ngọc	Thủy	18/10/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275860	28/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
194	Giang Thị	Thủy	30/06/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275861	29/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
195	Trương Thị Thu	Thủy	14/07/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275862	30/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
196	Vũ Thị Thanh	Thủy	28/05/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0275863	31/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
197	Phạm Thị Thu	Trang	13/07/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275864	32/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
198	Phạm Đức	Trung	17/11/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275865	33/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
199	Đỗ Anh	Tuyên	07/07/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275866	34/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
200	Nguyễn Thị	Uyên	12/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275867	35/CNTTCB20	78/QĐ-TTNNTH ngày 26/9/2018
201	Mai Đức	An	24/09/93	Ninh Bình	Nam	Kinh	275868	1/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
202	Phạm Năng	An	20/01/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275869	2/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
203	Vũ Đức	Cảnh	03/10/84	Thanh Hóa	Nam	Kinh	275870	3/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
204	Nguyễn Thị	Chuyên	04/04/86	Bắc Giang	Nữ	Kinh	275871	4/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
205	Đặng Thị	Cúc	01/01/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275872	5/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
206	Bùi Xuân	Diệu	08/12/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	275873	6/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
207	Nguyễn Văn	Duẩn	09/07/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	275874	7/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
208	Lê Thị	Dung	30/08/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275875	8/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
209	Đặng Quý	Dương	08/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	275876	9/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
210	Đinh Xuân	Dương	20/10/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275877	10/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
211	Phạm Thị Thu	Giang	09/03/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275878	11/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
212	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	20/06/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275879	12/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
213	Phạm Ngọc	Hiếu	04/09/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	275880	13/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
214	Lê Thị	Hoài	23/12/76	Nam Định	Nữ	Kinh	275881	14/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
215	Nguyễn Thị Bích	Hồng	23/09/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275882	15/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
216	Đặng Việt	Hùng	15/05/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	275883	16/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
217	Phạm Lương	Hùng	08/11/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	275884	17/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
218	Nguyễn Quốc	Huy	15/05/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	275885	18/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
219	Tống Văn	Huy	04/03/84	Nam Định	Nam	Kinh	275886	19/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
220	Đinh Thị Hồng	Liên	03/03/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275887	20/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
221	Đinh Văn	Liêu	29/12/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	275888	21/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
222	Nguyễn Thị Minh	Lý	16/04/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275889	22/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
223	Vũ Phương	Mai	08/11/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275890	23/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
224	Vũ Trà	Mi	09/10/85	Nam Định	Nữ	Kinh	275891	24/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
225	Vũ Kiều	My	26/10/83	Nam Định	Nữ	Kinh	275892	25/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
226	Trần Thị Thúy	Nga	01/05/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275893	26/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
227	Giang Thị Bích	Ngọc	01/06/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275894	27/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
228	Nguyễn Văn	Ngọc	23/04/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	275895	28/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
229	Phạm Nguyên	Ngọc	27/08/90	Hà Nội	Nam	Kinh	275896	29/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
230	Trần Văn	Nhân	10/01/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	275897	30/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
231	Phạm Thị	Nhung	24/05/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275898	31/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
232	Vũ Văn	Sáng	25/09/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	275899	32/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
233	Nguyễn Hữu	Thạch	21/07/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275900	33/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
234	Nguyễn Đình	Thản	09/06/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	275901	34/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
235	Bùi Thị Vân	Thu	06/11/75	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275902	35/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
236	Lê Xuân	Toàn	07/12/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	275903	36/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
237	Đinh Văn	Trưởng	30/09/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	275904	37/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
238	Nguyễn Ngọc	Tuấn	05/07/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275905	38/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
239	Nguyễn Văn	Tuyên	03/08/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	275906	39/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
240	Đỗ Thị Hải	Yến	21/02/84	Nam Định	Nữ	Kinh	275907	40/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
241	Lâm Thị Vân	Anh	29/07/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275908	41/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
242	Mai Duy	Cần	25/07/94	Ninh Bình	Nam	Kinh	275909	42/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
243	Bùi Công	Chính	13/03/74	Nam Định	Nam	Kinh	275910	43/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
244	Đỗ Văn	Chuẩn	30/10/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	275911	44/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
245	Nguyễn Phương	Dung	21/06/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275912	45/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
246	Vũ Thị Kim	Dung	17/12/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275913	46/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
247	Nguyễn Thị	Duyên	13/08/85	Thái Bình	Nữ	Kinh	275914	47/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
248	Trần Hoàng	Dương	27/11/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	275915	48/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
249	Nguyễn Quang	Đạt	21/09/75	Hòa Bình	Nam	Kinh	275916	49/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
250	Đỗ Thế	Định	15/08/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275917	50/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
251	Nguyễn Thị	Giang	27/03/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275918	51/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
252	Hoàng Thị Thu	Hà	01/05/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275919	52/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
253	Lê Thị Hải	Hà	23/08/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275920	53/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
254	Nguyễn Thị Hải	Hà	11/02/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275921	54/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
255	Trương Văn	Hà	20/06/80	Thái Nguyên	Nam	Kinh	275922	55/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
256	Dương Thị Út	Hạnh	28/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275923	56/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
257	Vũ Hiền	Hảo	13/09/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275924	57/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
258	Vũ Thu	Hằng	13/11/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275925	58/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
259	Nguyễn Mạnh	Hiệp	25/06/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	275926	59/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
260	Đặng Thị Hải	Hoàn	23/06/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275927	60/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
261	Nguyễn Thị	Hồng	13/10/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275928	61/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
262	Nguyễn Thị Minh	Huệ	13/10/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275929	62/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
263	Nguyễn Thế	Hùng	26/09/94	Ninh Bình	Nam	Kinh	275930	63/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
264	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275931	64/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
265	Nguyễn Thị Thu	Hương	02/10/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275932	65/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
266	Vũ Thị	Hương	26/01/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275933	66/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
267	Đào Thị	Lan	29/09/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275934	67/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
268	Nguyễn Thành	Lê	01/02/82	Nghệ An	Nam	Kinh	275935	68/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
269	Nguyễn Thị Kim	Liên	10/05/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275936	69/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
270	Nguyễn Đăng	Luân	26/09/84	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	275937	70/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
271	Ngô Thị	Mai	22/11/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275938	71/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
272	Phạm Thái	Nam	01/12/75	Nam Định	Nam	Kinh	275939	72/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
273	Lê Thị Thanh	Ngân	22/04/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275940	73/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
274	Lê Thị Bích	Ngọc	04/06/84	Sơn La	Nữ	Kinh	275941	74/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
275	Nguyễn Thế	Ngọc	06/03/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	275942	75/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
276	Quách Thị Bảo	Ngọc	16/09/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275943	76/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
277	Trần Thị Linh	Nhâm	23/01/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275944	77/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
278	Trần Thị	Ninh	05/10/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275945	78/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
279	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	28/06/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275946	79/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
280	Trịnh Thị Hà	Oanh	12/06/82	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	275947	80/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
281	Đỗ Thị Mai	Phương	01/12/80	Hà Giang	Nữ	Kinh	275948	81/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
282	Phan Thị	Quyên	12/08/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275949	82/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
283	Phạm Thị Phương	Thạch	01/10/84	Quảng Nam	Nữ	Kinh	275950	83/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
284	Nguyễn Văn	Thắng	19/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	275951	84/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
285	Đỗ Quốc	Thịnh	03/05/87	Ninh Bình	Nam	Kinh	275952	85/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
286	Phan Lệ	Thu	01/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275953	86/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
287	Lê Thị	Thủy	08/06/71	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275954	87/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
288	Nguyễn Thị	Thúy	14/06/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275955	88/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
289	Đặng Thị Thu	Trang	14/05/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275956	89/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
290	Phạm Huy	Trung	25/10/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	275957	90/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
291	Lê Anh	Tuấn	10/04/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	275958	91/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
292	Lê Đình	Tuấn	14/04/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	275959	92/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
293	Nguyễn Thanh	Tùng	14/11/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	275960	93/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
294	Nguyễn Thị	Tươi	12/05/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275961	94/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
295	Phạm Thị	Xoan	17/07/88	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275962	95/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
296	Phạm Thị	Xuyến	29/12/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275963	96/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018
297	Nguyễn Thị	Yến	22/02/79	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	275964	97/CNTTCB21	80/QĐ-TTNNTH ngày 10/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
298	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/02/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	275965	1/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
299	Tạ Ngọc Phương	Anh	07/03/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	275966	2/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
300	Phạm Thị	Bích	20/06/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275967	3/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
301	Trần Đức	Cường	09/12/80	Nam Định	Nữ	Kinh	275968	4/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
302	Hà Minh	Đạt	21/04/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275969	5/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
303	Nguyễn Văn	Đằng	31/07/80	Nam Định	Nam	Kinh	275970	6/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
304	Lê Thị	Hòa	10/10/93	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	275971	7/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
305	Đinh Thị Thu	Huyền	07/08/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	275972	8/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
306	Đoàn Xuân	Huỳnh	18/12/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275973	9/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
307	Đỗ Thị Thu	Hương	29/10/79	Hà Nội	Nam	Kinh	275974	10/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
308	Vũ Đình	Kiên	26/01/83	Bắc Ninh	Nam	Kinh	275975	11/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
309	Bùi Thị Hồng	Loan	03/11/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275976	12/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
310	Nguyễn Thúy	Nga	20/10/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275977	13/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
311	Lê Nguyệt Hải	Ninh	16/06/83	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	275978	14/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
312	Nguyễn Văn	Quân	28/07/64	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275979	15/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
313	Nguyễn Duy	Sơn	06/10/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	275980	16/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
314	Mai Thanh	Thảo	10/11/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275981	17/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
315	Vũ Đình	Thắng	08/09/93	Nam Định	Nữ	Kinh	275982	18/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
316	Đoàn Thị	Thu	25/11/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	275983	19/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
317	Vũ Văn	Toàn	20/01/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	275985	20/CNTTCB22	82/QĐ-TTNNTH ngày 24/10/2018
318	Nguyễn Lương	Bằng	10/10/70	Thái Bình	Nam	Kinh	0275986	1/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
319	Trương Văn	Công	24/10/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275987	2/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
320	Dương Văn	Cường	29/03/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275988	3/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
321	Lê Hùng	Cường	25/06/1977	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275989	4/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
322	Trần Thị Mỹ	Dung	06/01/84	Hà Nam	Nữ	Kinh	0275990	5/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
323	Đinh Hồng	Duyến	02/09/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275991	6/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
324	Hoàng Hải	Đăng	04/01/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275992	7/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
325	Vũ Thị Kim	Giang	19/09/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275993	8/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
326	Đinh Thị Thu	Hiên	22/10/96	Quảng Bình	Nữ	Kinh	0275994	9/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
327	Lê Quý	Huệ	14/05/64	Thái Bình	Nam	Kinh	0275995	10/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
328	Hoàng Mạnh	Hùng	23/03/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275996	11/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
329	Trần Mạnh	Hùng	27/08/94	Ninh Bình	Nam	Kinh	0275997	12/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
330	Nguyễn Thị	Huyền	11/08/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275998	13/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
331	Trần Thị	Huyền	07/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0275999	14/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
332	Phạm Văn	Khái	18/12/74	Thái Bình	Nam	Kinh	0276000	15/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
333	Đinh Trung	Kiên	14/05/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276001	16/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
334	Trần Ngọc	Linh	25/08/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276002	17/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
335	Thái Khắc	Lưu	03/02/80	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276003	18/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
336	Trần Thị Minh	Lý	13/03/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276004	19/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
337	Phạm Ngọc	Minh	27/05/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276005	20/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
338	Trần Thị Hồng	Nhung	15/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276006	21/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
339	Nguyễn Văn	Phương	25/05/65	Thanh Hóa	Nam	Kinh	0276007	22/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
340	Đặng Ngọc	Quy	28/12/88	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276008	23/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
341	Trần Công	Quyền	10/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276009	24/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
342	Lê Hồng	Sinh	10/06/65	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276010	25/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
343	Nguyễn Thế	Sơn	11/11/69	Nghệ An	Nam	Kinh	0276011	26/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
344	Nguyễn Văn	Tam	23/01/81	Bắc Ninh	Nam	Kinh	0276012	27/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
345	Đinh Thị Hồng	Thái	13/01/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276013	28/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
346	Hoàng Văn	Thắng	12/02/72	Nghệ An	Nam	Kinh	0276014	29/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
347	Nguyễn Văn	Thắng	14/08/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276015	30/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
348	Nguyễn Văn	Thắng	24/08/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276016	31/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
349	Nguyễn Hữu	Thưởng	17/03/77	Nam Định	Nam	Kinh	0276017	32/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
350	Hoàng Minh	Tuấn	06/02/76	Hà Nội	Nam	Kinh	0276018	33/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
351	Lâm	Tuấn	29/06/72	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276019	34/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
352	Nguyễn Văn	Tuế	13/12/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276020	35/CNTTCB23	89/QĐ-TTNNTH ngày 07/11/2018
353	Bùi Thị Lan	Anh	26/10/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276021	1/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
354	Bùi Thị Tuấn	Anh	04/11/98	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276022	2/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
355	Đinh Thị Mỹ	Anh	13/06/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276023	3/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
356	Nguyễn Thị Chân	Anh	30/01/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276024	4/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
357	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/08/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276025	5/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
358	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/06/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276026	6/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
359	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276027	7/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
360	Đinh Thị Kiều	Diễm	20/05/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276028	8/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
361	Quách Thị	Dung	05/06/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276029	9/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
362	Trịnh Thị Kim	Dung	24/07/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0276030	10/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
363	Nguyễn Thị	Duyên	13/03/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276031	11/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
364	Đặng Thùy	Dương	18/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276032	12/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
365	Đinh Thị Thùy	Dương	27/03/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276033	13/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
366	Phạm Thị Hương	Giang	13/05/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276034	14/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
367	Phạm Thị	Hà	23/12/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276035	15/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
368	Trịnh Thị	Hạ	05/12/77	Thái Bình	Nữ	Kinh	0276036	16/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
369	Vũ Thị Thu	Hiền	12/12/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276037	17/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
370	Phạm Chí	Hiển	25/12/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276038	18/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
371	Trần Văn	Hiển	23/10/76	Nam Định	Nam	Kinh	0276039	19/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
372	Điền Thanh	Hoa	23/06/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276064	20/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
373	Hoàng Thị	Hoài	05/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276040	21/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
374	Trần Thị Minh	Hoài	12/08/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276041	22/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
375	Lê Thị Thanh	Huyền	07/08/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0276042	23/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
376	Trịnh Thị Lan	Hương	16/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276043	24/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
377	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/10/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0276044	25/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
378	Đinh Thị	Lan	19/07/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276045	26/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
379	Tống Thị Ngọc	Lê	25/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276046	27/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
380	Nguyễn Thị	Liên	19/11/90	Nam Định	Nữ	Kinh	0276047	28/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
381	Ngô Thị Ngọc	Loan	24/06/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276048	29/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
382	Phạm Thị	Mai	09/02/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276049	30/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
383	Tạ Thị	Minh	16/04/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276050	31/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
384	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	06/08/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276051	32/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
385	Trần Thị Kim	Oanh	05/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276052	33/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
386	Đinh Thị Hoài	Phương	10/02/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276053	34/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
387	Vũ Thị	Phương	12/10/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276054	35/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
388	Hoàng Thị	Phượng	27/05/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0276055	36/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
389	Nguyễn Thị	Phượng	03/11/85	Nam Định	Nữ	Kinh	0276056	37/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
390	Nguyễn Xuân	Quyết	31/10/85	Nam Định	Nam	Kinh	0276057	38/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
391	Vũ Thị	Thanh	04/02/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276058	39/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
392	Hoàng Thị Phươn	Thảo	23/01/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276059	40/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
393	Phạm Thị	Thắm	13/09/91	Nam Định	Nữ	Kinh	0276060	41/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
394	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/10/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276061	42/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
395	Vũ Thị	Thương	06/11/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276062	43/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
396	Phạm Ngọc	Tỉnh	12/11/95	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276063	44/CNTTCB24	91/QĐ-TTNNTH ngày 14/11/2018
397	Đỗ Thế	Anh	16/01/76	Nam Định	Nữ	Kinh	0276065	1/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
398	Ninh Thị Ngọc	Anh	10/11/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276066	2/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
399	Vũ Thị Tuyết	Anh	26/05/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0276067	3/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
400	Phạm Văn	Bảo	10/07/85	Nam Định	Nữ	Kinh	0276068	4/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
401	Trần Mạnh	Chiến	18/09/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276069	5/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
402	Dương Thị	Dung	20/02/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276070	6/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
403	Trần Tiến	Dũng	14/05/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276071	7/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
404	Lê Văn	Đắc	30/04/79	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276072	8/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
405	Phạm Ngọc	Điều	30/10/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276073	9/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
406	Đinh Gia	Đức	10/02/90	Nam Định	Nữ	Kinh	0276074	10/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
407	Nguyễn Văn	Đức	26/07/83	Nam Định	Nữ	Kinh	0276075	11/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
408	Ninh Thị Thu	Hà	10/05/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276076	12/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
409	Trịnh Thị	Hà	01/11/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0276077	13/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
410	Nguyễn Ngọc	Hải	25/04/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276078	14/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
411	Nguyễn Thị	Hảo	05/07/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0276079	15/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
412	Trịnh Văn	Hiếu	01/10/70	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276080	16/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
413	Trần Thị Thanh	Hòa	16/10/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0276081	17/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
414	Vũ Thị Ánh	Hồng	30/07/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276082	18/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
415	Bùi Văn	Huy	23/11/89	Nam Định	Nam	Kinh	0276083	19/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
416	Phạm Ngọc	Huy	27/08/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0276084	20/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
417	Phạm Thị Thu	Huyền	14/12/82	Nam Định	Nữ	Kinh	0276085	21/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
418	Lê Thị Phương	Lan	29/01/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276086	22/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
419	Trần Thị Thúy	Mùi	01/05/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276087	23/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
420	Phạm Hải	Nam	31/07/77	Hải Dương	Nữ	Kinh	0276088	24/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
421	Hoàng Thị	Nga	21/05/89	Nam Định	Nữ	Kinh	0276089	25/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
422	Đặng Thị	Ngà	26/03/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0276090	26/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
423	Dương Thị	Nhàn	13/10/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0276091	27/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
424	Vũ Thị	Nụ	02/07/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0276092	28/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
425	Nguyễn Hồng	Phú	22/11/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0276093	29/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
426	Đoàn Thu	Phương	23/01/77	Nam Định	Nữ	Kinh	0276094	30/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
427	Đinh Xuân	Quảng	27/03/84	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276095	31/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
428	Hoàng Trung	Sâm	13/03/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276096	32/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
429	Lã Thị Thu	Sen	23/05/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0276097	33/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
430	Đặng Hồng	Thanh	25/07/80	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276098	34/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
431	Đinh Thị	Thanh	15/08/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276099	35/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
432	Vũ Đức	Thành	10/10/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276100	36/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
433	Đoàn Thanh	Thảo	02/04/80	Hải Dương	Nữ	Kinh	0276101	37/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
434	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/10/98	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276102	38/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
435	Trịnh Thị Kim	Thoa	30/09/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276103	39/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
436	Phạm Thị	Thơm	05/08/92	Nam Định	Nữ	Kinh	0276104	40/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
437	Vũ Thị Ngọc	Thu	25/01/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276105	41/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
438	Phạm Thị Thanh	Thủy	10/02/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0276106	42/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
439	Phạm Thị	Thương	22/09/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276107	43/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
440	Nguyễn Hồng	Tiến	02/10/80	Nam Định	Nam	Kinh	0276108	44/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
441	Mai Thị Thu	Trang	14/05/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276109	45/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
442	Phan Thị Thu	Trang	07/09/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276110	46/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
443	Nguyễn Thị	Tuyết	05/11/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0276111	47/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
444	Nguyễn Thị	Xuân	01/02/71	Nam Định	Nam	Kinh	0276112	48/CNTTCB25	93/QĐ-TTNNTH ngày 26/11/2018
445	Trần Văn	Chuyên	28/04/85	Nam Định	Nữ	Kinh	0276113	1/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
446	Phạm Tiến	Dũng	27/10/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276114	2/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
447	Chu Thị	Duyên	22/02/75	Nam Định	Nữ	Kinh	0276133	3/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
448	Đinh Thị	Duyên	15/02/75	Nam Định	Nữ	Kinh	0276116	4/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
449	Đỗ Hữu	Đạt	25/11/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276117	5/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
450	Bùi Thị Hương	Giang	27/02/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276118	6/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
451	Tống Trường	Giang	29/05/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276119	7/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
452	Nguyễn Thị	Hà	10/10/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0276120	8/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
453	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/06/77	Nam Định	Nữ	Kinh	0276121	9/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
454	Mai Thị	Hằng	05/08/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276122	10/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
455	Bùi Thị	Hoa	25/02/85	Nam Định	Nữ	Kinh	0276123	11/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
456	Lê Thị	Hoa	08/01/86	Nam Định	Nữ	Kinh	0276124	12/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
457	Nguyễn Thị	Hòa	23/09/71	Nam Định	Nữ	Kinh	0276125	13/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
458	Nguyễn Thị	Hoài	19/08/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276126	14/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
459	Nguyễn Thị	Hợi	08/04/76	Nam Định	Nữ	Kinh	0276127	15/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
460	Mai Thị	Huệ	19/07/75	Nam Định	Nữ	Kinh	0276128	16/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
461	Nguyễn Mạnh	Hùng	10/10/65	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0276129	17/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
462	Đỗ Văn	Huy	25/10/83	Nam Định	Nam	Kinh	0276130	18/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
463	Tô Thị Mai	Huyền	12/08/98	Ninh Bình	Nam	Kinh	0276131	19/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
464	Đỗ Thị	Hương	05/06/87	Nam Định	Nữ	Kinh	0276132	20/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
465	Nguyễn Thị Than	Hương	01/03/73	Nam Định	Nữ	Kinh	0860416	21/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
466	Phạm Thị Lan	Hương	06/03/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0860417	22/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
467	Đinh Thị Thúy	Hường	23/06/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860418	23/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
468	Lê Ngọc	Lan	03/11/76	Nam Định	Nữ	Kinh	0860419	24/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
469	Phạm Thị	Loan	03/10/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0860420	25/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
470	Phạm Thị	Lý	11/01/89	Nam Định	Nữ	Kinh	0860421	26/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
471	Nguyễn Thị	Mai	04/08/88	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	0860422	27/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
472	Dương Thúy	My	22/08/77	Nam Định	Nữ	Kinh	0860423	28/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
473	Chu Văn	Nam	17/02/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860424	29/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
474	Nguyễn Thị	Niềm	15/01/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0860425	30/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
475	Đỗ Thị Minh	Phương	24/11/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860426	31/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
476	Phạm Thị Bích	Phương	24/06/91	Nam Định	Nữ	Kinh	0860427	32/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
477	Nguyễn Bích	Phượng	14/12/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860428	33/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
478	Phạm Thị	Phượng	02/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860429	34/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
479	Trịnh Thị Hương	Sen	08/10/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0860430	35/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
480	Lê Hoàng Thanh	Sơn	04/02/84	Hà Nam	Nữ	Kinh	0860431	36/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
481	Nguyễn Thị	Thắm	18/02/90	Nam Định	Nữ	Kinh	0860432	37/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
482	Trần Thị Kim	Thịnh	18/01/70	Nam Định	Nam	Kinh	0860433	38/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
483	Trần Biên	Thùy	19/02/87	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860434	39/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
484	Trương Thị	Thúy	17/10/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0860435	40/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
485	Dương Thị	Tới	25/06/90	Nam Định	Nữ	Kinh	0860436	41/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
486	Nguyễn Thị Huyề	Trang	02/10/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860437	42/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
487	Đặng Văn	Tú	13/05/82	Nam Định	Nữ	Kinh	0860438	43/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
488	Mạc Thị	Tuyền	10/10/84	Nam Định	Nam	Kinh	0860439	44/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018
489	Phạm Thị	Yến	15/10/88	Nam Định	Nam	Kinh	0860440	45/CNTTCB26	95/QĐ-TTNNTH ngày 05/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
490	Nguyễn Đức	Duẩn	26/10/98	Hà Nam	Nữ	Kinh	0860442	1/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
491	Nguyễn Thị Kim	Dung	04/11/98	Nam Định	Nam	Kinh	0860443	2/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
492	Nguyễn Thị	Giang	13/06/97	Nam Định	Nữ	Kinh	0860444	3/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
493	Vũ Thanh	Hồng	30/01/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860445	4/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
494	Đào Thị	Huệ	01/08/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860446	5/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
495	Phạm Thị Thu	Huyền	11/06/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860447	6/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
496	Nguyễn Thị	Hường	03/02/97	Nam Định	Nữ	Kinh	0860448	7/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
497	Nguyễn Thị Than	Nga	20/05/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860449	8/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
498	Nguyễn Thị	Nhung	05/06/97	Thái Bình	Nữ	Kinh	0860450	9/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
499	Nguyễn Thị	Quyên	24/07/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0860451	10/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
500	Trịnh Xuân	Quỳnh	13/03/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860452	11/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
501	Bùi Thị	Tâm	18/09/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860453	12/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
502	Bùi Đình	Thi	27/03/98	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860454	13/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
503	Nguyễn Thị	Thủy	13/05/94	Nam Định	Nữ	Kinh	0860455	14/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
504	Đào Thị	Tuyết	23/12/98	Nam Định	Nữ	Kinh	0860456	15/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
505	Lê Hải	Vân	05/12/77	Hòa Bình	Nữ	Kinh	0860457	16/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
506	Trần Đức	Vệ	12/12/98	Hà Nam	Nữ	Kinh	0860458	17/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
507	Lâm Văn	Xuyên	25/12/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860459	18/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
508	Nguyễn Văn	Xuyên	23/10/76	Hà Nam	Nam	Kinh	0860460	19/CNTTCB27	98/QĐ-TTNNTH ngày 12/12/2018
509	Ngô Trần	An	04/07/64	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860461	1/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
510	Nguyễn Thị	An	16/06/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0860462	2/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
511	Bùi Chí	Công	25/07/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860463	3/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
512	Đào Thành	Công	23/01/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860464	4/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
513	Nguyễn Văn	Cừ	02/01/81	Hà Nam	Nam	Kinh	0860465	5/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
514	Lê Tiến	Dũng	02/06/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860466	6/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
515	Nguyễn Thị	Duyên	28/02/75	Nam Định	Nữ	Kinh	0860467	7/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
516	Nguyễn Văn	Dương	25/04/97	Nam Định	Nam	Kinh	0860468	8/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
517	Vũ Thị Thanh	Điệp	08/07/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0860469	9/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
518	Trần Ngọc	Định	29/05/92	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860470	10/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
519	Ngô Thị Khuyên	Hằng	20/02/79	Nam Định	Nữ	Kinh	0860471	11/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
520	Lê Thị Thu	Hiền	27/09/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0860472	12/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
521	Đinh Thị	Hoa	08/02/84	Nam Định	Nữ	Kinh	0860473	13/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
522	Nguyễn Thị Than	Hòa	11/12/88	Nam Định	Nữ	Kinh	0860474	14/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
523	Đoàn Xuân	Hoàn	16/03/74	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860475	15/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
524	Vũ Thị	Hồng	02/08/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0860476	16/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
525	Nguyễn Thị Than	Huyền	23/04/86	Nam Định	Nữ	Kinh	0860477	17/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
526	Trần Thị	Huyền	15/01/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0860478	18/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
527	Hoàng Khắc	Huynh	05/01/71	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860479	19/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
528	Trần Cao	Hưởng	16/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860480	20/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
529	Phạm Xuân	Hữu	15/05/76	Nam Định	Nam	Kinh	0860481	21/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
530	Nguyễn Thị	Liên	10/11/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0860482	22/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
531	Hoàng Văn	Long	08/05/73	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860483	23/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
532	Dương Hữu	Luận	16/06/83	Hà Nam	Nam	Kinh	0860484	24/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
533	Đinh Thị	Mai	10/10/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860485	25/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
534	Đinh Thị Phương	Mai	01/10/81	Nam Định	Nữ	Kinh	0860486	26/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
535	Trịnh Thị	Mai	22/03/89	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860487	27/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
536	Cù Thị Thanh	Nga	17/11/83	Nam Định	Nữ	Kinh	0860488	28/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
537	Đỗ Thị	Nguyện	06/07/86	Nam Định	Nữ	Kinh	0860489	29/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
538	Nguyễn Vũ	Phong	25/10/83	Thanh Hóa	Nam	Kinh	0860490	30/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
539	Nguyễn Thị Mai	Sen	20/09/80	Nam Định	Nữ	Kinh	0860491	31/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
540	Vũ Thị Ngọc	Tân	06/11/78	Nam Định	Nữ	Kinh	0860492	32/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
541	Lê Anh	Thắng	27/04/84	Hà Nam	Nam	Kinh	0860493	33/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
542	Đinh Đắc	Thông	14/09/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860494	34/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
543	Ngô Gia	Tình	10/11/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860495	35/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
544	Đỗ Thu	Trang	14/04/97	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860496	36/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
545	Nguyễn Thành	Trung	29/03/91	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860497	37/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
546	Vũ Anh	Tuấn	22/09/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0860498	38/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
547	Ngô Thị	Vịnh	26/10/85	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860499	39/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018
548	Phạm Bảo	Yến	27/02/95	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0860500	40/CNTTCB28	100/QĐ-TTNNTH ngày 27/12/2018

III. CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
STT	**Họ và tên**		**Ngày sinh**	**Nơi sinh**	**Giới tính**	**Dân tộc**	**Số hiệu CC**	**Số vào sổ cấp CC**	**Số QĐTN**
01	Nguyễn Thị Kim	Anh	03/06/79	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044377	1/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
02	Tống Thanh	Bình	10/11/78	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044378	2/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
03	Vũ Văn	Chiêu	25/10/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044379	3/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
04	Nguyễn Thị	Chúc	25/06/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044380	4/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
05	Cao Thị Kim	Cúc	25/11/69	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044381	5/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
06	Nguyễn Trung	Cương	24/09/91	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044382	6/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
07	Phạm Việt	Dũng	17/08/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044383	7/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
08	Trần Văn	Dũng	11/08/96	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044384	8/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
09	Tạ Minh	Dương	05/02/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044385	9/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
10	Trần Đại	Dương	18/11/87	Nam Định	Nam	Kinh	0044386	10/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
11	Trương Đình	Điệp	24/06/81	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044387	11/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
12	Nguyễn Ngọc	Giang	26/11/66	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044388	12/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
13	Nguyễn Văn	Hải	25/05/77	Nam Định	Nam	Kinh	0044389	13/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
14	An Thị	Hạnh	31/07/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044390	14/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
15	Lê Thị	Hạnh	10/02/82	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044391	15/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
16	Hoàng Thị	Hiền	17/12/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044392	16/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
17	Phạm Thị Thu	Hiền	15/01/76	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044393	17/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
18	Nguyễn Văn	Hiện	28/10/77	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044394	18/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
19	Nguyễn Ngọc	Hoàn	09/08/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044395	19/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
20	Ninh Văn	Hoàn	25/12/86	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044396	20/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
21	Phạm Thị	Hồng	24/07/90	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044397	21/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
22	Đỗ Quang	Khải	20/09/85	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044398	22/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
23	Lê Thị	Kim	12/05/96	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044399	23/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
24	Nguyễn Thế	Long	24/06/75	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044400	24/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
25	Nguyễn Thị	Mây	28/10/74	Nam Định	Nam	Kinh	0044401	25/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
26	Phạm Ngọc	Minh	10/06/83	Nam Định	Nữ	Kinh	0044402	26/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
27	Đinh Văn	Mười	20/12/74	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044403	27/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
28	Đỗ Thị	Nhung	02/11/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044404	28/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
29	Nguyễn Thị	Nhung	12/07/90	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044405	29/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
30	Nguyễn Thị	Phượng	09/05/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044406	30/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
31	Đinh Thị Như	Quỳnh	31/08/93	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044407	31/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
32	Nguyễn Thị	Tâm	22/04/78	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044408	32/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
33	Phạm Khắc	Thành	15/10/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044409	33/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
34	Nguyễn Văn	Thế	02/10/80	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044410	34/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
35	Nguyễn Xuân	Thịnh	05/10/83	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044411	35/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ cấp CC	Số QĐTN
36	Phạm Văn	Thịnh	18/05/94	Ninh Bình	Nữ	Kinh	0044412	36/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
37	Đào Thị	Thủy	03/12/83	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044413	37/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
38	Trần Thị	Thúy	08/05/70	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044414	38/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
39	Bùi Văn	Tĩnh	12/06/89	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044415	39/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
40	Đàm Văn	Tới	08/12/86	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044416	40/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
41	Lê Hữu	Trung	27/10/77	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044417	41/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
42	Cao Thanh	Tuấn	16/05/84	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044418	42/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
43	Phan Văn	Uyên	26/04/81	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044419	43/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018
44	Vũ Thị	Vân	23/03/82	Ninh Bình	Nam	Kinh	0044420	44/CNTTNC01	86/QĐ-TTNNTH ngày 31/10/2018